

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TÂN CHÂU
TỈNH TÂY NINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 94/2018/DS-ST

Ngày 26-10-2018

V/v Tranh chấp về

“Hợp đồng tín dụng”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN CHÂU, TỈNH TÂY NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Quốc Vũ.

Các hội thẩm nhân dân:

Bà Trần Thị Phúc;

Bà Nguyễn Thị Bích Hiệp.

- Thư ký phiên tòa: Ông Ngô Quốc Việt, là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Bích Du – Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 10 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 89/2012/TLST-DS ngày 04 tháng 4 năm 2012 về việc tranh chấp “Hợp đồng tín dụng”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 105/2018/QĐXXST-DS ngày 20 tháng 9 năm 2018, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Quỹ tín dụng Nhân dân Công ty cao su Tân B;

Địa chỉ: Ấp Thạnh P, xã Tân H, huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh;

Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Trường A – Chức vụ: Chủ tịch HĐQT.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Bà Đỗ Thị Thu H, sinh năm 1979 – Chức vụ: Giám đốc, là người đại diện theo ủy quyền (Văn bản ủy quyền ngày 18-10-2016); có mặt.

Bị đơn: Ông Mi C, sinh năm 1965 và bà Nân S, sinh năm 1962; cư trú tại: Tổ 1, ấp Kà S, xã Tân Đ, huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh; có đơn xin xét xử vắng mặt.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Bà Lâm N, sinh năm 1963; cư trú tại: Tổ 2, ấp Kà S, xã Tân Đ, huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh; có đơn xin xét xử vắng mặt.

2. Bà Dương Thị H, sinh năm 1967; cư trú tại: Tổ 6, ấp Đông B, xã Tân Đ, huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh; có đơn xin xét xử vắng mặt.

Người phiên dịch: Ông Lương Văn P, sinh năm 1952; cư trú tại: Tổ 11, ấp Đông T, xã Tân Đ, huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 14-3-2012, đơn khởi kiện bổ sung ngày 14-11-2016 và lời khai tại Tòa án, đại diện nguyên đơn bà Đỗ Thị Thu H trình bày: Ngày 23-3-2007, ông Mi C ký Hợp đồng tín dụng số 287/2007/HĐTD với Quỹ tín dụng Nhân dân Công ty cao su Tân B (từ đây gọi là QTD) để vay số tiền 25.000.000 đồng mua xe gắn máy và sửa nhà, lãi suất cho vay theo thỏa thuận 1,35%/ tháng, lãi suất nợ quá hạn 2,025%/ tháng, thời hạn cho vay 36 tháng.

Khi vay tiền, ông Mi C và bà Nân S có thể chấp 01 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (từ đây gọi là GCN QSĐĐ), được UBND huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh cấp ngày 16-8-2001, tại thửa số 3 và số 22, tờ bản đồ số 15 và số 17, diện tích 18.849 m². Đất tọa lạc tại ấp Kà Ôt, xã Tân Đông, huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh.

Trong thời gian thực hiện hợp đồng, ông Mi C và bà Nân S đã trả tiền vay cho QTD được 7.000.000 đồng và tiền lãi được 7.733.400 đồng thì ngưng cho đến nay.

Bà Hiền đại diện cho QTD yêu cầu Tòa án giải quyết: Buộc ông Mi C và bà Nân S trả QTD số tiền vay còn nợ 18.000.000 đồng và tiền lãi trong hạn theo mức lãi suất 1,35%/ và tiền lãi quá hạn 2,025%/ tháng tính từ đến ngày 26-10-2018 là 42.313.100 đồng, tổng cộng 60.313.100 đồng.

Lời khai của Mi C: Năm 2007, nhưng không nhớ cụ thể thời gian nào ông cùng bà Lâm N đến QTD để làm thủ tục vay số tiền 10.000.000 đồng để chi phí trồng cây cao su, khi làm hồ sơ vay tiền vợ chồng ông có thể chấp 01 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, do ông đứng tên. Ông không biết chữ, nên tại QTD ông lặn tay vào hợp đồng vay nhưng không được cán bộ tín dụng hay bà Nữ đọc lại nội dung của hợp đồng, do đó trong hợp đồng ghi số tiền vay bao nhiêu ông không biết. Sau khi lặn tay vào hồ sơ vay tiền, bà Nữ thông báo cho ông về trước, nên ông không nhận được tiền tại QTD, đến chiều tối cùng ngày ông đến nhà bà Nữ nhận được số tiền vay 9.600.000 đồng, còn 400.000 đồng trả thù lao cho người giới thiệu.

Sau khi vay tiền, vợ chồng ông trả tiền vay cho QTD đầy đủ, trong đó đưa trực tiếp cho bà Hải 3.000.000 đồng để trả cho QTD, nhưng không thấy bà Hải đưa lại phiếu thu, còn các lần sau cán bộ QTD đến thu trực tiếp và có giao phiếu thu đầy đủ thể hiện rõ số tiền, nhưng không biết bao nhiêu vì ông không biết chữ. Ông Mi C cho rằng đã trả hết số tiền vay cho QTD, nên không đồng ý trả số tiền nào nữa theo yêu cầu của QTD.

Lời khai của bà Nân S: Bà không trực tiếp đi làm hồ sơ vay tiền tại QTD, chỉ có ông Mi C đi cùng bà Lâm N đến QTD làm thủ tục vay số tiền 10.000.000 đồng, nhưng sau đó nhận được 9.600.000 đồng tại nhà bà Nữ. Vợ chồng bà chỉ vay số tiền 10.000.000 đồng, không phải 25.000.000 đồng như QTD trình bày, đến nay vợ chồng bà đã trả hết số tiền vay cho QTD, nên không đồng ý trả số tiền nào theo yêu cầu của QTD.

Lời khai của bà Lâm N: Khoảng tháng 3-2007, người tên Tuấn là nhân viên của doanh nghiệp tư nhân Sơn Thành Tân (gọi là Doanh nghiệp) đến gặp bà và thông báo hộ người dân tộc cần vay tiền để mua xe, sửa nhà thì giới thiệu để Tuấn làm thủ tục, bà đã giới thiệu cho hộ Khum Don, ông Mi C và một số hộ người dân tộc khác đem GCN QSDĐ đến để làm thủ tục vay tiền. Tuấn đem hồ sơ đến tại nhà bà để các hộ vay đến lấy tay và sau đó đến UBND xã Tân Đông chứng thực, khoảng 10 ngày sau Tuấn thông báo cho bà và bà Hải đưa các hộ vay là người dân tộc và người kinh đến QTD làm thủ tục nhận tiền, nhưng sau khi ông Khum Don, ông Mi C và các hộ vay lấy tay tại QTD thì cho về vì chưa có tiền. Sau đó khoảng 02 ngày ông Thành là chủ doanh nghiệp Sơn Thành Tân (doanh nghiệp không còn hoạt động, chủ doanh nghiệp đã chết) thông báo cho bà và bà Hải đến nhận tiền, số tiền ông Thành giao bao nhiêu bà không nhớ và cũng không làm giấy biên nhận. Hộ vay 10.000.000 đồng phải trả tiền công đi làm hồ sơ cho nhân viên của Doanh nghiệp 500.000 đồng và 50.000 đồng làm thẻ thành viên vay vốn, hộ ông Khum Don và hộ ông Mi C đến nhà bà nhận được số tiền mỗi hộ 9.450.000 đồng. Sau khi vay tiền, bà Huôt Sa Mon có đưa cho bà 3.000.000 đồng để trả tiền vay cho QTD, nhưng bà không trực tiếp đi đóng tiền mà đưa lại cho bà Hải đi nộp thay, còn bà Hải có nộp không bà không biết.

Lời khai của bà Dương Thị H: Khoảng tháng 3-2007, bà có giới thiệu hộ ông Bùi Văn Nhàn và một số hộ người kinh đến Doanh nghiệp để vay tiền mua xe, còn bà Nữ giới thiệu hộ người dân tộc. Trước khi đến QTD vay tiền, thì người tên Tuấn là nhân viên của Doanh nghiệp đem hồ sơ đến nhà bà Nữ cho các hộ vay là người dân tộc lấy tay, còn ông Nhàn, bà Hồng đến lấy tay vào hồ sơ tại nhà bà, số tiền vợ chồng ông Nhàn yêu cầu vay là 5.000.000 đồng, nhưng trong hợp đồng ghi số tiền vay bao nhiêu bà không biết, tất cả hợp đồng vay vốn sau đó Tuấn đem đến UBND xã Tân Đông chứng thực. Khoảng 10 ngày sau, Tuấn thông báo cho bà và bà Nữ đưa những người có hồ sơ vay tiền đến QTD làm thủ tục nhận tiền, nhưng sau khi các hộ vay lấy tay xong thì cho về, còn người tên Tuấn ở lại nhận tiền, 02 ngày sau ông Thành thông báo cho bà và bà Nữ đến Doanh nghiệp nhận tiền cho các hộ vay. Trước khi giao tiền, đối với hộ vay 10.000.000 đồng thì Tuấn trừ tiền công đi làm hồ sơ 500.000 đồng và 50.000 đồng làm thẻ thành viên vay vốn, nên hộ ông Mi C và hộ ông Khum Don mỗi hộ chỉ nhận được số tiền vay 9.450.000 đồng. Đối với hộ của ông Nhàn vay 5.000.000 đồng bà nhận đủ và ông Nhàn trực tiếp đến nhận lại tại nhà bà. Sau khi vay tiền, hộ ông Mi C đưa trực tiếp cho bà 3.000.000 đồng để trả tiền vay cho QTD; hộ ông Khum Don đưa cho bà Nữ 3.000.000 đồng nhờ trả tiền vay cho QTD, nhưng bà

Nữ đưa lại cho bà, số tiền 6.000.000 đồng bà trả tiền vay cho hai hộ trên tại QTD, nhưng QTD trừ vào tiền lãi.

Tại phiên tòa hôm nay, bà Hiền đại diện cho QTD yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông Mi C và bà Nân S trả số tiền vay còn nợ cho QTD là 18.000.000 đồng và tiền lãi theo hợp đồng tín dụng, gồm tiền lãi trong hạn và quá hạn đến ngày 26-10-2018 là 42.313.100 đồng, tổng cộng 60.313.100 đồng.

Ông Mi C và bà Nân S; bà Dương Thị H và bà Lâm N đều có đơn xin xét xử vắng mặt.

Ông Lương Văn P, Tòa án không triệu tập.

Ý kiến của vị đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh:

- Về tố tụng: Thẩm phán từ khi thụ lý vụ án, thu thập chứng cứ và đưa vụ án ra xét xử đảm bảo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa thực hiện đúng trình tự, thủ tục đối với phiên tòa dân sự. Nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình.

- Về nội dung: QTD khởi kiện yêu cầu ông Mi C và bà Nân S trả số tiền vay 18.000.000 đồng và tiền lãi đến ngày 26-01-2008 là 42.313.100 đồng là không có cơ sở, vì trong quá trình giải quyết vụ án hộ ông Mi C lẫn tay tại QTD để vay 10.000.000 đồng, do không biết chữ và không nói được tiếng Việt, nhưng khi lẫn tay vào hợp đồng không có người phiên dịch đọc lại cho nghe nội dung của hợp đồng, nên không biết số tiền ghi trong hợp đồng là bao nhiêu, mà chỉ thông qua bà Hải, bà Nữ nên làm cho ông Mi C hiểu sai về số tiền vay, do đó việc ghi số tiền vay 25.000.000 đồng vào hợp đồng tín dụng là không đảm bảo sự tự nguyện trong giao dịch dân sự. Toàn bộ hồ sơ vay vốn của hộ ông Mi C và bà Nân S đều do bà Hải, bà Nữ và người của Salon Sơn Thành Tân thực hiện, việc những người này tự ý nâng số tiền vay lên trong hợp đồng để có tiền mua xe là có sự lừa dối đối với người vay tiền. Do đó hợp đồng này bị vô hiệu đối với số tiền 15.000.000 đồng do bị lừa dối, số tiền 10.000.000 đồng là tự nguyện, nên có hiệu lực. Chứng cứ có trong hồ sơ xác định hộ ông Mi C vay 10.000.000 đồng, đã trả được số tiền 14.733.400 đồng là đã trả đủ tiền gốc và tiền lãi.

Căn cứ các Điều 121, 132, 135, 137, 471 Bộ luật dân sự; Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và Pháp lệnh án phí lệ phí Tòa án, đề nghị Hội đồng xét xử theo hướng: Tuyên bố hợp đồng tín dụng số 287, ngày 23-3-2007 vô hiệu một phần do bị lừa dối đối với số tiền 15.000.000 đồng; không chấp nhận yêu cầu của QTD đối với số tiền 60.313.100 đồng; QTD chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên, thấy rằng:

[1] Về tố tụng: Ông Mi C và bà Nân S là bị đơn; bà Dương Thị H và bà Lâm N là người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan trong vụ án có đơn xin xét xử vắng mặt, Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự xử vắng mặt ông Mi C, bà Nân S, bà Dương Thị H và bà Lâm N.

[2] Về nội dung: Ngày 23-3-2007, giữa QTD và ông Mi C thỏa thuận ký Hợp đồng tín dụng số 287/07/HĐTD, theo hợp đồng thì ông Mi C vay tại QTD 25.000.000 đồng, lãi suất cho vay 1,35%/ tháng, lãi suất nợ quá hạn 2,025%/ tháng, thời hạn vay 36 tháng, mục đích vay tiền để sửa nhà và mua xe gắn máy, do không biết chữ nên ông Mi C lãn tay vào hợp đồng.

Trước khi vay tiền, ông Mi C và bà Nân S có thể chấp tài sản tại QTD 01 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 00155.../QSDĐ/324/QĐ-UB (HL) do UBND huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh cấp ngày 16-8-2001, tại thửa đất số 3 và số 22, tờ bản đồ số 15 và số 17, diện tích 18.849 m² do ông Mi C đứng tên. Đất tọa lạc ấp Kà Ôt, xã Tân Đông, huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh.

[3] Xét yêu cầu của QTD yêu cầu ông Mi C và bà Nân S trả số tiền vay còn nợ 18.000.000 đồng và tiền lãi theo mức lãi suất 2,025%/ tháng tính đến ngày 26-10-2018 là 42.313.100 đồng, tổng cộng 60.313.100 đồng thấy rằng, tại thời điểm năm 2007, QTD khi tiến hành thủ tục cho khách hàng vay vốn đã thực hiện không đúng theo Quy chế cho vay ban hành kèm theo Quyết định số 13/QĐ-HĐQT, ngày 23-02-2005 của Hội đồng quản trị Quỹ tín dụng công ty cao su Tân B như: Người trực tiếp giao dịch với khách hàng khi làm thủ tục vay không phải là cán bộ tín dụng của QTD; không xác định nhu cầu vốn vay của khách hàng, nên số tiền vay trong hợp đồng và số tiền khách hàng thực nhận khác nhau, do không biết chữ, nhưng trước khi lãn tay vào hợp đồng không được ai đọc lại nội dung; người không vay tiền nhưng được nhận tiền tại kho quỹ của QTD, còn khách hàng nhận tiền vay tại nhà bà Lâm N và bà Dương Thị H...v.v.

Tại Kết luận thanh tra số 36/KL-TNI₅, ngày 19-01-2009 của Ngân hàng Nhà nước chi nhánh Tây Ninh kết luận: “ QTD Cao su Tân B cho vay 03 đợt đối với 31 hộ dân tộc Khmer số tiền vay 705 trđ không đúng quy trình cho vay, thông qua người môi giới để người môi giới chiếm dụng vốn vay của khách hàng. Do các hộ vay không biết chữ và không nói thông thạo tiếng Việt nên thông qua 02 người môi giới tạo điều kiện cho 02 người môi giới lợi dụng chiếm dụng vốn vay của các hộ dân tộc 504 trđ... Giám đốc chỉ đạo kế toán và thủ quỹ lập thu khống số tiền gửi tiết kiệm không kỳ hạn số tiền 379 trđ bằng với số tiền giải ngân nhận nợ cho 18 hộ vay vốn để mua xe tại DNTN Sơn Thành Tân, sửa nhà nhưng thực tế người vay chỉ ký nhận trên phiếu chi không nhận tiền vay tại Quỹ. Khi người vay nhận tiền tại DNTN Sơn Thành Tân thông qua người môi giới, 02 đối tượng môi giới chiếm dụng một phần

vốn vay... người môi giới thu tiền phí quan hệ và hồ sơ vay vốn mỗi hộ từ 500.000 đ đến 800.000 đ”.

Tại bảng kê chi tiết các hộ vay bị chiếm dụng; Công văn số 190/CV-QTD, ngày 11-10-2011; Công văn số 143/CV-QTD, ngày 07-7-2014 QTD thừa nhận các hộ vay người dân tộc, người kinh bị chiếm dụng vốn, trong đó hộ ông Mi C theo hợp đồng tín dụng vay 25.000.000 đồng, nhưng thực nhận 10.000.000 đồng, bị chiếm dụng 15.000.000 đồng, ông Mi C đã trả được số tiền 14.733.400 đồng (gốc 7.000.000 đồng, tiền lãi 7.733.400 đồng).

Tại các biên bản giải quyết tại Công an huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh ngày 10-6-2011 và biên bản giải quyết tại Công an xã Tân Đông, huyện Tân Châu ngày 04-8-2010 và ngày 11-5-2010 bà Dương Thị H và bà Lâm N cũng thừa nhận chiếm dụng số tiền của 23 hộ vay vốn là người dân tộc, người kinh tại QTD số tiền 383.500.000 đồng, trong đó số tiền bà Hải chiếm dụng 237.000.000 đồng, bà Lâm N chiếm dụng 146.500.000 đồng. Quá trình giải quyết vụ án, QTD không yêu cầu Tòa án giải quyết số tiền trên đối với bà Hải, bà Nữ.

Với những chứng cứ trên thấy rằng, Hợp đồng tín dụng số 287/07/HĐTD, ký kết giữa QTD với ông Mi C ngày 23-3-2007 là vô hiệu do bị lừa dối, vì khi lăn tay vào hợp đồng tín dụng, người vay không biết số tiền ghi trong hợp đồng là bao nhiêu, không được cán bộ QTD đọc lại nội dung hợp đồng cho nghe, trong khi người vay là người dân tộc không biết chữ, không nói được tiếng Việt, trong hợp đồng tín dụng số tiền cho vay nhiều hơn nhu cầu vốn vay của khách hàng, nên số tiền còn lại theo hợp đồng bị người thứ ba chiếm dụng. Do hợp đồng tín dụng vô hiệu, nên Hợp đồng thế chấp tài sản số 121/HĐTC, không ngày, tháng 3 năm 2007 giữa đại diện QTD do ông Trương Văn Vinh ký bên nhận thế chấp với bên thế chấp do ông Mi C và bà Nân S lăn tay được được UBND xã Tân Đông chứng thực và đăng ký tại Văn Phòng đăng ký quyền sử dụng đất huyện Tân Châu ngày 22-3-2007 cũng vô hiệu theo, nên không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ dân sự của các bên kể từ thời điểm xác lập, khôi phục lại tình trạng ban đầu, các bên hoàn trả cho nhau những gì đã nhận.

Ông Mi C và bà Nân S có trách nhiệm trả cho QTD số tiền vay đã nhận 10.000.000 đồng. Nhưng theo phiếu thu QTD cung cấp đã xác định hộ ông Mi C, bà Nân S đã trả được số tiền 14.661.400 đồng, trong đó trả tiền gốc 7.000.000 đồng, tiền lãi 7.661.400 đồng, như vậy ông Mi C và Nân S đã trả cho QTD thừa đi số tiền 4.661.400 đồng. Quá trình giải quyết vụ án, ông Mi C và Nân S không yêu cầu trả lại số tiền 4.661.400 đồng và không yêu cầu bồi thường thiệt hại nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của QTD yêu cầu ông Mi C và Nân S trả số tiền vay 18.000.000 đồng và tiền lãi 42.313.100, tổng cộng 60.313.100 đồng.

QTD có trách nhiệm trả cho ông Mi C và Nân S 01 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 00155.../QSĐĐ/324/QĐ-UB (HL) do UBND huyện Tân Châu, tỉnh Tây

Ninh cấp ngày 16-8-2001, tại thửa đất số 3 và số 22, tờ bản đồ số 15 và số 17, diện tích 18.849 m² do ông Mi C đứng tên.

[4] Chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ 500.000 đồng QTD phải chịu. Ghi nhận ngày 28-8-2018 QTD đã nộp xong.

[5] QTD có trách nhiệm thanh toán chi phí phiên dịch cho ông Lương Văn P số tiền 6.000.000 đồng theo Hợp đồng ký ngày 23-02-2017.

[6] Tiền tạm ứng án phí và tiền án phí dân sự sơ thẩm giải quyết theo quy định tại Điều 144, 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 3 Điều 27 Pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án năm 2009.

Vi các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng các Điều 121, 132, 137, 355, 471 Bộ luật dân sự năm 2005; Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng;

1. Tuyên bố Hợp đồng tín dụng số 287/07/HĐTD, ký kết giữa Quỹ tín dụng Nhân dân Công ty cao su Tân B do ông Trương Văn Vinh đại diện với ông Mi C ngày 23-3-2007 là vô hiệu do bị lừa dối.

Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Quỹ tín dụng Nhân dân Công ty cao su Tân B yêu cầu ông Mi C và Nân S trả số tiền vay 18.000.000 đồng và tiền lãi 42.313.100, tổng cộng 60.313.100 đồng (sáu mươi triệu, ba trăm mười ba nghìn, một trăm đồng).

2. Ông Mi C và Nân S đã trả cho Quỹ tín dụng Nhân dân Công ty cao su Tân B số tiền 14.661.400 đồng (mười bốn triệu, sáu trăm sáu mươi một nghìn, một trăm đồng). Ghi nhận ông Mi C và bà Nân S không yêu cầu Quỹ tín dụng Nhân dân Công ty cao su Tân B trả lại số tiền 4.661.400 đồng (bốn triệu, sáu trăm sáu mươi một nghìn, một trăm đồng) và không yêu cầu bồi thường thiệt hại.

3. Quỹ tín dụng Nhân dân Công ty cao su Tân B có trách nhiệm trả cho ông Mi C và Nân S 01 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 00155.../QSDĐ/324/QĐ-UB (HL) do UBND huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh cấp ngày 16-8-2001, tại thửa đất số 3 và số 22, tờ bản đồ số 15 và số 17, diện tích 18.849 m² do ông Mi C đứng tên.

4. Quỹ tín dụng Nhân dân Công ty cao su Tân B phải chịu 500.000 đồng tiền chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ. Ghi nhận Quỹ tín dụng Nhân dân Công ty cao su Tân B đã nộp xong.

5. Quỹ tín dụng Nhân dân Công ty cao su Tân B có trách nhiệm trả chi phí phiên dịch cho ông Lương Văn P số tiền 6.000.000 đồng (sáu triệu đồng) theo Hợp đồng ký ngày 23-02-2017.

6. Về án phí dân sự sơ thẩm: Quỹ tín dụng Nhân dân Công ty cao su Tân B phải chịu 3.015.500 đồng (ba triệu, không trăm mười lăm nghìn, năm trăm đồng) án

phí dân sự sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm Quỹ tín dụng Nhân dân Công ty cao su Tân B đã nộp 1.290.000 đồng (một triệu, hai trăm chín mươi nghìn đồng) theo 02 biên lai thu số 0008653, ngày 04-4-2012 và số 0023692, ngày 18-11-2016 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh; Quỹ tín dụng Nhân dân Công ty cao su Tân B còn phải nộp 1.725.500 đồng (một triệu, bảy trăm hai mươi lăm nghìn, năm trăm đồng).

6. Trường hợp bản án được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

7. Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án này lên Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh. Đối với các đương sự vắng mặt, có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày Tòa án niêm yết bản án tại Ủy ban nhân dân xã, phường nơi đương sự cư trú.

Nơi nhận:

- Phòng KTNV, TAND tỉnh TN;
- VKSND huyện Tân Châu;
- Chi cục THADS huyện Tân Châu;
- Cá đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu tập án.

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đã ký

Trần Quốc Vũ